

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thanh Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phan Thị Bích.**

Ông Đình Cộng Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Thùy Linh** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Minh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLST – HNGĐ ngày 02/11/2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Minh Đ**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ T, phường H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị **Bùi Thị Hà G**, sinh năm 1982; Nơi ĐKKHKT: Khu M, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Chỗ ở hiện: Malaysia. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên anh Trần Minh Đ trình bày:

Anh và chị Bùi Thị Hà G, kết hôn ngày 20/9/2003 tại xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Tuy nhiên, không còn lưu giữ giấy chứng nhận kết hôn. Sau đó, anh Đ có đến UBND xã P để xin cấp lại giấy chứng nhận kết hôn nhưng không còn sổ sách lưu trữ về việc kết hôn. Đến ngày 21/10/2021, anh Đ và chị G có đăng ký kết hôn lại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng chị G vẫn không thay đổi.

Đến khoảng tháng 6 năm 2022, anh Đ có nghe được thông tin chị G đi làm việc tại Malaysia. Việc chị G đi làm việc ở nước ngoài không có sự bàn bạc, thống nhất với anh Đ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không

quan tâm đến nhau. Anh Đ đã nhiều lần liên hệ với chị G qua điện thoại để yêu cầu chị G cung cấp địa chỉ tại nước ngoài nhưng chị G không được cung cấp. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ xin ly hôn chị Bùi Thị Hà G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn L, sinh ngày 12/02/2005, cháu đang sống cùng anh Đ. Hiện nay cháu đã trưởng thành nên cháu ở với ai thì do cháu quyết định.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kết quả xác minh:**

- Tại Công văn số 1514/CAT-PA08 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 21/12/2022 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hòa Bình đã xác định: Công dân Bùi Thị Hà Giang đã sử dụng hộ chiếu số K0427462 ngày 16/5/2022 xuất cảnh ngày 03/7/2022 qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất nhưng chưa có thông tin xuất nhập cảnh trở lại.

- Tại Biên bản xác minh ngày 16/2/2023 UBND thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình: Chị Bùi Thị Hà G có hộ khẩu thường trú tại Khu M, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Hiện chị G không có mặt tại địa phương, theo thông tin gia đình chị G cung cấp thì chị Giang đang đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản xác minh ngày 16/02/2023 đối với bà Bùi Thị Lan P (mẹ đẻ của chị Bùi Thị Hà G), bà P cho biết: Chị G và anh Đ kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị về sống tại phường H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Năm 2005, anh chị có 01 con chung là Trần Văn L, sinh ngày 12/02/2005. Quá trình chung sống vợ chồng anh Đ, chị G có mâu thuẫn về kinh tế. Hiện nay, chị G đã sang Malaysia làm kinh tế. Trong thời gian chị G ở nước ngoài, có liên lạc về với gia đình qua mạng xã hội Zalo, Facebook, còn địa chỉ cụ thể của chị G ở nước ngoài thì gia đình không biết. Việc ly hôn giữa anh Đ và chị G là do hai bên tự quyết định, theo bà được biết anh Đ và chị G không có tài sản, công nợ chung. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa anh Đức và chị Giang đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn chị G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn L, sinh ngày 12/02/2005, cháu đang sống cùng anh Đ. Cháu đã trên 18 tuổi không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không giao cho bố hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Trần Minh Đ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn chị Bùi Thị Hà G, chị G có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hòa Bình, hiện đang lao động tại Malaysia. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Anh Trần Minh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng cho chị Bùi Thị Hà G đúng quy định. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy đăng ký kết hôn thể hiện Anh Trần Minh Đ và chị Bùi Thị Hà G kết hôn ngày 21/10/2021 tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân thực tế của anh chị bắt đầu từ năm 2003. Quá trình chung sống đến tháng 11 năm 2018 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, đặc biệt là trong việc làm kinh tế của chị G, anh chị ly thân từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị G đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại. Do vậy, có căn cứ chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Minh Đ đối với chị Bùi Thị Hà G, là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn L, sinh ngày 12/02/2005. Hiện nay cháu L đang sống cùng bố là anh Trần Minh Đ, nguyện vọng của cháu là được tiếp tục ở với bố sau khi bố mẹ cháu ly hôn. Tuy nhiên, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu Ly đã đủ 18 tuổi 3 tháng, cháu phát triển bình thường về mặt thể chất và tinh thần, HĐXX không giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Minh Đ xác nhận không có tài sản chung, không có công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Về án phí: Anh Trần Minh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464, Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh Đ, xử cho anh Trần Minh Đ được ly hôn với chị Bùi Thị Hà G.

2. Về con chung: Cháu Trần Văn L, sinh ngày 12/02/2005 đã đủ 18 tuổi, không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Anh Trần Minh Đ phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001023 ngày 26/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình. Xác nhận anh Trần Minh Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Minh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Chị Bùi Thị Hà G được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC, VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự;
- UBND phường H;
- Lưu TH, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thanh Hải